

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Năm báo cáo: 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
 - Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010
 - Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 25/03/2011
 - Giấy phép điều chỉnh số 31/ GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 16/03/2012
 - Giấy phép điều chỉnh số 45/ GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 13/08/2012
 - Giấy phép điều chỉnh số 13/ GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 15/05/2013
 - Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK do UBCK cấp ngày 30/12/2013
 - Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK do UBCK cấp ngày 22/7/2016
 - Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK do UBCK cấp ngày 08/01/2019
 - Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK do UBCK cấp ngày 17/02/2020
- Vốn điều lệ: 500 tỷ đồng (Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 558 tỷ đồng
- Chủ sở hữu: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (NHTMCPCTVN)
- Địa chỉ: Tầng 6, Trung Tâm Thương Mại Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Số điện thoại: 04 3938 8855
- Số fax: 04 3938 8500
- Website: <http://www.vietinbankcapital.vn/>

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NHTMCPCTVN

Địa chỉ: Tầng 6 TTMM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84 – 8) 39388855 Fax: (84 – 8) 39388500 www.vietinbankcapital.vn



3

Triết lý hoạt động

Tầm nhìn:

- Trở thành một trong những Công ty Quản lý quỹ hàng đầu cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đầu tư; đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư vào trái phiếu, vào các công cụ lãi suất cố định với hiệu quả và lợi nhuận vượt trội cho khách hàng trong mức độ kiểm soát rủi ro tối ưu.

Sứ mệnh:

- Kết nối các nhà đầu tư với những cơ hội đầu tư tốt nhất;
- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đầu tư với ưu thế và lợi nhuận vượt trội trên cơ sở kiểm soát rủi ro toàn diện
- Góp phần phát triển nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư tại Vietinbank, thúc đẩy thị trường tài chính Việt Nam phát triển chuyên nghiệp, hiệu quả

Thông điệp của Chủ tịch Công ty

Kính gửi Quý khách hàng và đối tác,

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý khách hàng, đối tác đã đặt trọn niềm tin và đồng hành với Công ty Quản lý quỹ Vietinbank (Vietinbank Capital) trong suốt thời gian qua. Xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ của Ủy ban Chứng khoán NN, các cơ quan ban ngành và Ban lãnh đạo Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Là một thành viên của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank), hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư, công ty đầu tư, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán; năm 2019 Vietinbank Capital đã thực hiện tái cơ cấu, giảm vốn điều lệ theo định hướng của chủ sở hữu và vẫn duy trì uy tín thương hiệu của mình trên thị trường bằng chất lượng dịch vụ, cam kết với khách hàng.

Đầu năm 2020, nền kinh tế thế giới và Việt nam chịu những thử thách lớn từ ảnh hưởng của dịch bệnh, điều này đã làm cho thị trường chứng khoán đã có sự giảm sút đáng kể. Chỉ số VN Index cuối ngày 11/03/2020 còn 811 điểm giảm 150 điểm so với thời điểm cuối năm 2019 đạt gần 961 điểm. Trước những thách thức và cơ hội khi bước vào năm 2020, Ban lãnh đạo Công ty đã xác định kế hoạch, giải pháp cụ thể và chuẩn bị những điều kiện cần thiết để Vietinbank Capital hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ mà Vietinbank giao phó với mức lợi nhuận trước thuế tăng trưởng so với năm trước. Vietinbank Capital sẽ tiếp tục tái cơ cấu và đẩy mạnh mảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ lập và quản lý quỹ đầu tư (Quỹ đầu tư trái phiếu VTBF có mức tăng trưởng NAV/1 chứng chỉ quỹ năm 2018 đạt: 9,24%, năm 2019 đạt: 8,52%), hoạt động quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán, trên cơ sở duy trì và phát triển các hoạt động đầu tư tài chính. Bên cạnh đó, Vietinbank Capital cũng sẽ tăng cường đổi mới hệ thống công nghệ, tăng cường hệ thống quản trị, kiểm soát rủi ro để thúc đẩy kinh doanh.

Một lần nữa, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của Quý khách hàng, đối tác, các cơ quan ban ngành và Ban lãnh đạo Vietinbank dành cho chúng tôi trong suốt thời gian qua. Chúng tôi tin rằng với uy tín đã được cam kết cùng những nỗ lực không ngừng đổi mới, hoàn thiện, chúng tôi sẽ cùng Quý vị hướng tới những cơ hội thành công mới trong tương lai.

Xin trân trọng cảm ơn.



Chủ tịch Công ty

CHỦ TỊCH
Vũ Đức Mạnh

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NHTMCPCTVN

Địa chỉ: Tầng 6 TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84 – 8) 39388855 Fax: (84 – 8) 39388500 www.vietinbankcapital.vn

3

Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Quản lý quỹ Vietinbank được thành lập trong giai đoạn Việt Nam hội nhập sâu rộng với thế giới và đã có được những thành tựu phát triển vượt bậc về kinh tế, xã hội nhưng đây cũng giai đoạn kinh tế thế giới bước vào giai đoạn đầy biến động và ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế cũng như thị trường tài chính Việt Nam. Cùng với chủ trương của Chính phủ, UBCKNN về việc đưa những sản phẩm tài chính bậc cao ra thị trường, Đại hội đồng cổ đông VietinBank năm 2010 đã quyết định thành lập Công ty quản lý quỹ (VietinbankCapital) và giao cho HĐQT xin phép Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, UBCKNN triển khai việc thành lập này. Ngày 26/10/2010 UBCKNN đã cấp giấy phép thành lập Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Vietinbank, hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên do Vietinbank góp 100% vốn. Sự ra đời của Công ty cũng nằm trong định hướng phát triển của Vietinbank với mục tiêu trở thành một tập đoàn tài chính ngân hàng đa năng, lớn mạnh tầm cỡ khu vực và thế giới, với hai trụ cột là nghiệp vụ ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư.
- Sau 9 năm hoạt động, với số vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 50 tỷ đồng, nhân sự ban đầu là từ ban trừ bị với 8 cán bộ, năm 2011 VietinbankCapital đã tăng vốn lên 500 tỷ đồng, nhân sự tăng lên 30 người. Điều này thể hiện tiềm lực tài chính mạnh mẽ cũng như sự cam kết lâu dài của VietinBank Capital.
- Từ năm 2011 -2018, Công ty luôn là một trong số các công ty quản lý dẫn đầu thị trường về lợi nhuận và đóng góp vào Ngân sách nhà nước, lợi nhuận đạt bình quân khoảng 50-60 tỷ đồng hàng năm (riêng năm 2018 Lợi nhuận trước thuế là 83 tỷ đồng) và chưa bao giờ có lợi nhuận âm trong tất cả các năm tài chính kể từ khi thành lập.
- VietinBank Capital là công ty quản lý quỹ đầu tiên trên thị trường được cấp phép thực hiện nghiệp vụ Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Năm 2012 Công ty mở rộng mạng lưới tại Tp Hồ Chí Minh, hoạt động dưới hình thức văn phòng đại diện với mục đích là nghiên cứu, tìm hiểu thị trường chứng khoán và giới thiệu công ty với khách hàng; tìm hiểu, đề xuất cơ hội đầu tư trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán; thúc đẩy, giám sát thực hiện các hợp đồng thỏa thuận đã ký kết giữa công ty với các tổ chức kinh tế.
- Từ năm 2012-2017: Là Công ty 5 năm liền đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh và được HĐQT NHTMCPCTVN biểu dương. Riêng năm 2015 và 2016 và 2017 Công ty hoàn thành vượt kế hoạch NHTMCPCTVN giao.
- Năm 2019 đánh dấu là năm bước ngoặt trong quá trình tái cơ cấu theo định hướng của NHTMCPCTVN, Công ty đã thực hiện giảm vốn điều lệ về 500 tỷ đồng.

Các sự kiện khác

- Năm 2014: Phát triển đột phá về hoạt động quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán và năm 2015 doanh thu hoạt động lõi của Công ty đã chiếm khoảng 20% tổng doanh thu.
- Năm 2015 Công ty đã thành lập Quỹ đầu tư khám phá giá trị, với quy mô vốn huy động ban đầu 100 tỷ đồng.
- Năm 2017 Công ty huy động thành công Quỹ Đầu tư trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam với số vốn ban đầu là 66 tỷ đồng và đến cuối năm 2017 quy mô của quỹ là hơn 72 tỷ đồng hoạt động theo mô hình quỹ mở.
- Năm 2018 giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam đạt mức 93,63 tỷ đồng, tăng 27,31% về quy mô và tăng 9,24% về giá trị NAV/ICCG so với đầu năm, thuộc Top 3 Quỹ trái phiếu có tỷ lệ tăng trưởng NAV/ICCG cao nhất thị trường. Lợi nhuận trước thuế đạt mức 83 tỷ đồng, cao nhất kể từ khi thành lập.
- Năm 2019 thực hiện giảm vốn điều lệ về 500 tỷ đồng.

2. Ngành nghề, sản phẩm và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Các nghiệp vụ kinh doanh chính của Công ty:

Các nghiệp vụ được cấp phép:

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

Các sản phẩm Công ty đang triển khai:

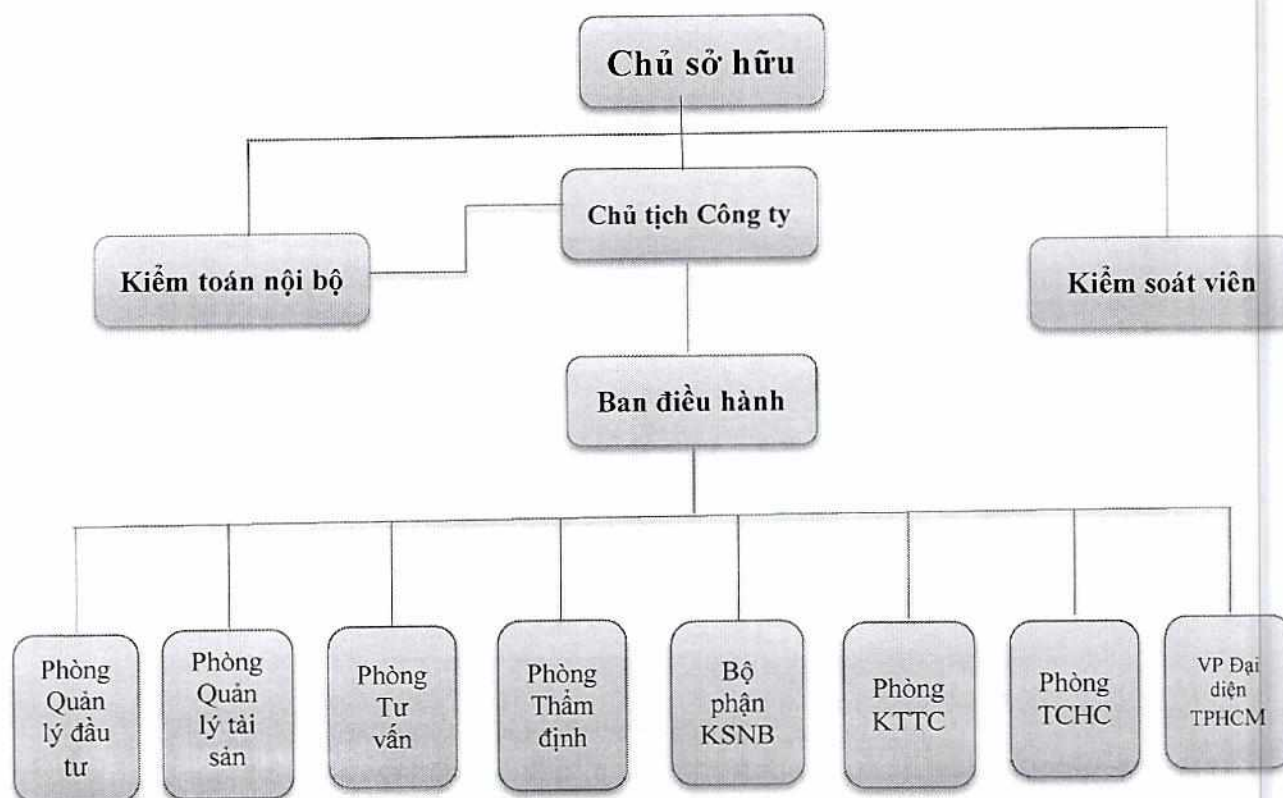
- Đầu tư chứng chỉ Quỹ mở trái phiếu cho khách hàng tổ chức, cá nhân
- Sản phẩm ủy thác đầu tư toàn bộ, đầu tư chỉ định (cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi,...)
- Sản phẩm đầu tư trái phiếu doanh nghiệp
- Sản phẩm khai thác trạng thái trái phiếu
- Sản phẩm tư vấn đầu tư

- Địa bàn kinh doanh:

- Trụ sở chính: Tầng 6, Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Văn phòng Đại diện: Lầu 6, 354-358 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh.



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đưa Công ty Quản lý quỹ Vietinbank thành công ty top 5 trong ngành quản lý quỹ Việt Nam trong vòng 5 năm tới về tổng tài sản quản lý và thu nhập từ phí dịch vụ. Từ đó nâng dần tỷ trọng phí quản lý trên tổng thu nhập, tối thiểu đạt 25% tổng thu nhập.
- Tiên phong đưa ra những sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu thị trường.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Thành lập và quản lý chuyên nghiệp các quỹ đầu tư
- Đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ nhằm cung cấp giải pháp đầu tư chuyên nghiệp, hiệu quả nhất đến khách hàng

- Tìm kiếm, liên kết và khai thác các kênh dẫn vốn nước ngoài
- Từng bước khẳng định vị thế thương hiệu Vietinbank Capital trên thị trường trong nước và quốc tế.

5. Các rủi ro:

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

- Các rủi ro liên quan tới kinh tế vĩ mô: là các rủi ro có thể gây nên các biến động xấu đối với thị trường chứng khoán và do đó gây ra các biến động về suy giảm tài sản quản lý của công ty do giảm hiệu quả đầu tư và/hoặc bị rút vốn các quỹ bởi nhà đầu tư.
- Rủi ro về hiệu quả đầu tư thấp: dẫn tới việc nhà đầu tư rút vốn do hoạt động đầu tư không mang lại lợi nhuận kỳ vọng.
- Rủi ro hoạt động: là rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động bao gồm việc cung cấp sai số liệu NAV của các quỹ đang quản lý dẫn tới việc công ty quỹ phải đền bù cho nhà đầu tư gây tổn hại đến tài chính của Công ty.
- Rủi ro tuân thủ: là các rủi ro do công ty không đáp ứng được các yêu cầu về tuân thủ áp dụng đối với công ty và các quỹ do công ty quản lý dẫn tới hậu quả tổn thất về danh tiếng và chi phí.
- Rủi ro pháp lý: là rủi ro có thể do thiếu hiểu biết hoặc cố tình không tuân thủ theo các quy định của pháp luật dẫn đến tổn thất lớn về mặt tài chính, tiềm ẩn khả năng tranh chấp, khiếu kiện làm mất uy tín của Công ty cũng như Ngân hàng.

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:



Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch NHCT giao 2019	Lũy kế đến thời điểm 31.12.2019	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Tỷ lệ % so với cùng kỳ năm trước	Tỷ lệ % so với KH năm 2019
1	Doanh thu và thu nhập khác		77.231	86.192	-10%	
1.1	Doanh thu từ dịch vụ	10.225	6.069	7.120	-15%	59,35%
	a. Doanh thu quản lý quỹ đầu tư		1.644	1.211	36%	
	b. Doanh thu quản lý danh mục đầu tư		4.425	5.809	-24%	
	c. Doanh thu HĐ tư vấn đầu tư và doanh thu khác		-	100	0%	
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính và hoạt động khác		71.161	79.071	-10%	
2	CHI PHÍ		65.760	2.784	-2262%	
	Trong đó: - Chi phí dự phòng		40.698	(32.376)	226%	
	"- Chi phí trực tiếp chung và chi phí quản lý doanh nghiệp		10.814	17.035	-37%	
	Chi phí lương		10.929	16.538	-34%	
3	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	100.000	11.471	83.407	-86%	11,47%

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

+ Lợi nhuận trước thuế 2019 đạt 11,47 tỷ đồng đạt 11,47% kế hoạch năm 2019 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam giao (100 tỷ đồng) giảm 86% so với cùng kỳ.

+ Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ và danh mục đạt khoảng 6 tỷ đồng đạt 59% kế hoạch năm 2019 do NHTMCPCTVN giao (10.225 triệu đồng) và giảm 15% so với cùng kỳ.

Năm 2019 Công ty có những thay đổi trong chiến lược hoạt động để phù hợp với nhiệm vụ giảm vốn theo định hướng tái cơ cấu Công ty.

Theo đó, chiến lược đầu tư của Công ty đã có những thay đổi, không đầu tư vào các



tài sản có khả năng sinh lời cao nhưng thời gian đầu tư dài, mà tập trung vào chuẩn bị thanh khoản để phục vụ việc giảm vốn đồng thời đẩy mạnh hoạt động thu dịch vụ, tiết giảm mạnh các chi phí quản lý. Kết quả Lợi nhuận trước thuế giảm mạnh so với cùng kỳ chủ yếu do trích lập dự phòng tăng mạnh 226%, năm 2018 Công ty hoàn nhập dự phòng khoảng 32 tỷ đồng còn năm 2019 trích lập dự phòng là 40,70 tỷ đồng, tức là tăng khoảng 73 tỷ đồng (Riêng trích lập dự phòng cổ phiếu TVN tăng thêm trong năm là 36 tỷ đồng, tổng số trích lập dự phòng TVN là gần 51 tỷ đồng).

Doanh thu từ dịch vụ có sự giảm sút nhẹ từ 7 tỷ đồng năm 2018 còn 6 tỷ đồng năm 2019 (tức là giảm 14%) và tổng doanh thu giảm khoảng 10% từ 86 tỷ đồng năm 2018 còn 77 tỷ đồng năm 2019.

Chi phí trực tiếp chung và chi phí quản lý (không bao gồm chi phí lương) đã tiết giảm mạnh trong năm 2019 với mức giảm 37% so với cùng kỳ.

Có thể thấy việc Lợi nhuận trước thuế (LNTT) giảm mạnh chủ yếu do yếu tố trích lập dự phòng giảm giá. Mặc dù đã có những biện pháp cắt giảm mạnh chi phí trong năm nhưng kết quả LNTT vẫn chỉ đạt 11,5%.

Thực hiện Nghị quyết số 435/NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 13/12/2019 của Chủ tịch HĐQT NHTMCPCTVN về việc thực hiện hoàn trả một phần vốn góp của Vietinbank trong vốn điều lệ của Vietinbank Capital, Công ty trong năm 2019 Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ giảm vốn góp giai đoạn 1 từ 950 tỷ xuống 500 tỷ, thực hiện hoàn trả 450 tỷ đồng theo đúng kế hoạch đề ra..

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban lãnh đạo:

2.1. Ông Vũ Đức Mạnh

Chức vụ: Chủ tịch Công ty

Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Tín dụng ngân hàng của Học viện Ngân hàng, Hà Nội, Việt Nam. Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, trường Đại học Oklahoma, Hoa Kỳ theo chương trình học bổng toàn phần cao học tại Mỹ của Chính phủ Việt Nam (Chương trình 322). Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ/vị trí công tác/trách nhiệm
8/2003 – 12/2003	Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO)	Chuyên viên kiểm toán
1/1/2004 – 28/2/2006	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Cán bộ phòng Nghiên cứu thị trường & Phát triển sản phẩm
1/3/2006 – 4/8/2009	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Cán bộ phòng Xây dựng và Quản lý ISO
5/8/2009 – 25/10/2010	Ban trụ bị thành lập Công ty Quản lý quỹ VietinBank	Nhân viên
26/10/2010 – 5/6/2011	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ VietinBank	Nhân viên phòng phát triển kinh doanh
6/6/2011 – 31/5/2012	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ VietinBank	Phó PT phòng phát triển kinh doanh
1/6/2012 – 14/12/2012	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ VietinBank	Trưởng Văn phòng Đại diện tại Tp Hồ Chí Minh
15/12/2012 -31/3/2013	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ VietinBank	Phó Tổng Giám đốc
1/04/2013-4/6/2015	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ VietinBank	Quyền Tổng Giám đốc
05/6/2015- 14/11/2018	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ VietinBank	Tổng Giám đốc
15/11/2018- nay	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ VietinBank	Chủ tịch Công ty

2.2. Bà Nguyễn Lệ Hằng

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty

Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Tài chính- Tín dụng của Học viện Ngân hàng, Hà Nội, Việt Nam. Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, trường Đại học Quốc gia Hà Nội liên kết với Đại học California

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ/vị trí công tác/trách nhiệm
1996-2005	Công ty TNHH Tiến Dũng	Cán bộ
1/3/2005 – 31/10/2007	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tây	Cán bộ Phòng Kế toán
1/11/2007 – 18/2/2010	Phòng kế toán thanh toán VNĐ - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Cán bộ phòng Kế toán thanh toán VNĐ
19/02/2010 – 14/12/2010	Phòng Quản lý Kế toán tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Cán bộ phòng Quản lý kế toán tài chính
15/12/2010 – 05/06/2011	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ VietinBank	Cán bộ Phòng Kế toán tài chính
6/6/2011 – 30/4/2012	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ VietinBank	Kế toán trưởng
1/5/2012 – 04/08/2014	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ VietinBank	Phó Tổng giám đốc
05/08/2014 -31/7/2016	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Phó phòng Quản lý Kế toán tài chính
01/08/2016 -14/11/2018	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Trưởng phòng Quản lý Kế toán tài chính
15/11/2018- nay	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ VietinBank	Tổng giám đốc Công ty

2.3. Bà Nguyễn Thị Lan

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty

Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Ngành Tài chính doanh nghiệp, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội. Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính ĐH New South Wales (Úc) theo chương trình học bổng của Chính phủ Úc. Thành viên của Hiệp hội các nhà phân tích tài chính (CFA), thành viên của cộng đồng CFA Singapore. Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Quá trình công tác:



Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ/vị trí công tác/trách nhiệm
10/2000-03/2001	Ngân hàng Chinfon- Hà Nội	Cán bộ nguồn vốn
03/2001 – 07/2007	Ngân hàng Ngoại thương VN	Cán bộ P.Kiểm tra, kiểm toán nội bộ, thư ký ban TGD
07/2007-02/2008	Công ty chứng khoán IVS	Phó phòng Phân tích
02/2008-07/2011	Công ty Quản lý quỹ Chiến Thắng	Phó phòng Đầu tư
08/2011- 11/2014	Trụ sở chính Ngân hàng Vietinbank	Trưởng nhóm Chính sách đầu tư – Phòng Chế độ Chính sách tín dụng
11/2014 - nay	Công ty Quản lý quỹ VietinBank	Phó Tổng Giám đốc

2.4. Bà Trần Thị Ngọc Tài

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty

Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành kinh tế đầu tư, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội. Thạc sỹ chuyên ngành quản trị kinh doanh thuộc đại học quốc gia Hà Nội – TT công nghệ đào tạo và hệ thống việc làm liên kết ĐH Griggs (Hoa kỳ). Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ/vị trí công tác/trách nhiệm
10/2004 -07/2007	Công ty TNHH Matsushita Home Appliances VN	Phòng kinh doanh
8/2007-11/2008	Công ty CP Chứng khoán SeaBank	Chuyên viên phân tích đầu tư
12/2008-04/05/2009	NH TMCP Công thương Việt Nam	Nhân viên Phòng Đầu tư-
05/05/2009 - 10/2009	Công ty đầu tư kinh doanh vàng VN (Theo sự phân công điều động của NHCTVN)	Kế toán trưởng
11/2009-25/10/2010	Ban trụ bị thành lập Công ty quản lý quỹ NH TMCP Công thương VN	Nhân viên
26/10/2010-.06/2012	Phòng đầu tư và Quản lý quỹ – Công ty quản lý quỹ VietinBank	Nhân viên
07/2012-19/11/2012	BP KSNB - Công ty quản lý quỹ VietinBank	Nhân viên
20/11/2012-10/2013	Công ty quản lý quỹ VietinBank	Kiểm soát viên
11/2013 – 14/08/2014	Pháp chế và KSNB - Công ty quản lý quỹ VietinBank	Phó phòng
15/08/2014 – 13/06/2019	Tổ chức Hành chính - Công ty quản lý quỹ VietinBank	Trưởng phòng
14/06/2019 – nay	Công ty Quản lý quỹ VietinBank	Phó Tổng Giám đốc

23

- Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm:

- + Ông Vũ Đức Mạnh –được bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ tịch Công ty từ ngày 15/11/2018
 - + Bà Nguyễn Lệ Hằng được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 15/11/2018
 - + Bà Nguyễn Thị Lan –được bổ nhiệm lại giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty ngày 19/11/2019
 - + Bà Trần Thị Ngọc Tài được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty ngày 14/06/2019
 - + Ông Nguyễn Như Dương miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 30/01/2019
 - + Bà Hoàng Thị Dung được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty ngày 22/08/2019;
 - + Ông Bùi Văn Phúc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty từ ngày 22/08/2019
- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng cán bộ, nhân viên Công ty:

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 41 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 43 người), trong đó 21 người đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, cụ thể như sau:

STT	Họ tên	Chứng chỉ số	Ngày cấp	Vị trí công tác
1	Vũ Đức Mạnh	000716/QLQ	26/10/2010	Chủ tịch Công ty
2	Nguyễn Lệ Hằng	001078/QLQ	11/03/2019	Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Thị Lan	00327/QLQ	17/6/2009	Phó Tổng Giám đốc
4	Trần Thị Ngọc Tài	00060/QLQ	27/02/2009	Phó Tổng Giám đốc
5	Hoàng Thị Dung	001039/QLQ	22/11/2013	Kế toán trưởng
6	Hà Đức Chung	001818/QLQ	6/8/2019	Trưởng Phòng
7	Đào Việt Anh	001389/QLQ	16/3/2016	Phó Phòng
8	Nguyễn Thùy Anh	001513/QLQ	05/01/2017	Nhân viên
9	Đặng Lưu Hải	001009/QLQ	03/10/2013	Trưởng phòng
10	Nguyễn Thị Thùy Linh	001025/QLQ	07/11/2013	Phó phòng
11	Nguyễn Đức Huy	000807/QLQ	07/7/2016	Nhân viên
12	Trần Anh Thư	001519/QLQ	11/01/2017	Nhân viên

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NHTMCPCTVN

Địa chỉ: Tầng 6 TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84 – 8) 39388855 Fax: (84 – 8) 39388500 www.vietinbankcapital.vn

STT	Họ tên	Chứng chỉ số	Ngày cấp	Vị trí công tác
13	Đậu Mai Hoa	001512/QLQ	03/01/2017	Nhân viên
14	Vũ Thị Ngọc Lan	001768/QLQ	26/03/2019	Nhân viên
15	Vũ Thị Việt Hà	001769/QLQ	26/03/2019	Nhân viên
16	Trần Văn Hưng	001091/QLQ	25/3/2014	Phó phòng
17	Nguyễn Thị Thu Thủy	001490/QLQ	17/11/2016	Trưởng bộ phận
18	Nguyễn Thị Thanh Tú	001491/QLQ	17/11/2016	Nhân viên
19	Nguyễn Thị Hạnh	001480/QLQ	17/11/2016	Nhân viên
20	Lê Thủy Trang	001598/QLQ	18/08/2017	Nhân viên
21	Trần Văn Sơn	001842/QLQ	01/10/2019	Nhân viên

b. Thu nhập trung bình đối với người lao động:

Thu nhập bình quân trong năm: 22,67 triệu đồng/người/tháng

c. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Toàn thể 100% người lao động trong Công ty được hưởng đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm sức khỏe BaoNgancare. Công ty tổ chức khám chữa bệnh hàng năm cho người lao động. Ngoài ra Công ty chi bổ sung các khoản phúc lợi khác như chi khám chữa, hy của bản thân và gia đình người lao động; chi hỗ trợ điều trị; chi hỗ trợ gia đình người lao động bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch họa, tai nạn, ốm đau; chi khen thưởng con của người lao động có thành tích tốt trong học tập; chi hỗ trợ chi phí đi lại ngày lễ, tết cho người lao động và những khoản chi có tính chất phúc lợi khác theo quy định nhà nước và quy chế nội bộ của Công ty.

Chính sách đối với người lao động Công ty đáp ứng theo Luật lao động Việt Nam với các chế độ lương thưởng, phúc lợi, đãi ngộ phù hợp với từng vị trí chuyên môn của cán bộ, nhân viên.

Các hoạt động cho người lao động:

Trong năm, Công ty đã tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2019 và triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2020; kèm theo đó người lao động đã đóng góp 03 ngày lương để ủng hộ Quỹ từ thiện xã hội và Quỹ Tình nghĩa năm 2019 thể hiện tinh thần lá lành đùm lá rách, tương thân tương ái, công tác xã hội luôn gắn liền với công tác chuyên môn.

Một số hoạt động phong trào do Ngân hàng TMCP Công thương VN tổ chức vẫn được Đoàn viên Công ty tham gia nhiệt tình và sôi nổi, như hoạt động tình nguyện hàng năm của NHCT “Nồi cháo tình thương”, chương trình “ Giọt hồng trao em năm 2019” do Ngân hàng Công thương Việt Nam phối hợp với viện huyết học truyền máu trung ương tổ chức.

d. Hoạt động đào tạo người lao động:

Năm 2019, Công ty đã tổ chức một số khóa học, người lao động tham gia các khóa học liên quan đến nghiệp vụ cụ thể sau:

- Các khóa học cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do TTĐT UBCKNN tổ chức
- Các khóa học chương trình Đào tạo Phương pháp quản lý thời gian
- Khóa học Nâng cao Nghiệp vụ Luật Lao động, BHXH 2020
- Khóa học Phương pháp phát hiện gian lận BCTC

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Hoạt động đầu tư của Công ty chủ yếu là đầu tư tài chính vào các công cụ tài chính có sẵn trên thị trường đảm bảo nguyên tắc an toàn, hiệu quả. Với lợi thế là công ty con 100% vốn của NHCT VN, Công ty được tiếp cận với các cơ hội đầu tư đa dạng từ việc khai thác các khách hàng và đối tác của ngân hàng mẹ.

Trọng tâm trong năm 2019 là thoái vốn để giảm vốn góp của NHTMCPCTVN, riêng trong Quý IV/2019 Công ty đã thoái tổng cộng gần 400 tỷ đồng để thực hiện mục tiêu giảm vốn của NH mẹ.

Tình hình các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn còn nắm giữ đến 31/12/2019:

Mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị đầu tư
Cổ phiếu Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Cổ phiếu	390.000,00	7.605.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ phiếu	13.455.800,00	135.693.880.449
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Cổ phiếu	140.000,00	4.636.568.500
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2	Cổ phiếu	82.031,00	2.883.157.760
Cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT	Cổ phiếu	122.107,00	4.865.638.792
Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Cổ phiếu	377.000,00	9.298.250.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	Cổ phiếu	314.600,00	6.003.566.362
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	Cổ phiếu	850.000,00	8.512.750.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	Cổ phiếu	32.440,00	6.085.267.230
Cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Cổ phiếu	211.270,00	4.044.264.688
Cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư công nghệ hạ tầng Vietin	Cổ phiếu	620.000,00	6.200.000.000

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NHTMCPCTVN

Địa chỉ: Tầng 6 TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84 – 8) 39388855 Fax: (84 – 8) 39388500 www.vietinbankcapital.vn

Mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị đầu tư
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư BOT Đèo Cả - Khánh Hòa	Cổ phiếu	9.150.000,00	91.500.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Đèo Cả	Cổ phiếu	11.580.000,00	120.000.000.000
Cổ phiếu CTCP đầu tư phát triển khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Cổ phiếu	2.399.000,00	23.990.000.000
Trái phiếu Công ty cổ phần chứng khoán Everest	Trái phiếu	500,00	50.000.000.000
Trái phiếu Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Trái phiếu	970,00	96.999.999.362
Trái phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô	trái phiếu	250.000,00	25.000.000.000

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng giảm
Doanh thu thuần	7,12	6,07	-14,75
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	83,4	11,63	-86,06%
Lợi nhuận khác		-0,16	
Lợi nhuận trước thuế	83,4	11,47	-86,25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16,28	0,73	-95,52%
Lợi nhuận sau thuế	67,13	10,74	-84%
Tổng tài sản	1.079	566,72	-47,48%

- Các chỉ tiêu khác:

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	37,98	36,91	-2,82%
Hệ số thanh toán nhanh	37,98	36,88	-2,89%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,02	0,02	0%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,02	0%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,01	0,01	0%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,43	1,77	-81,23%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,06	0,02	-66,67%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,06	0,02	-66,67%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,59	0,71	+20,34%
5. Tỷ lệ an toàn tài chính	515,71%	327,05%	-36,58%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Theo Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 02 năm 2020 đối với Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp đủ như sau:

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số dư cuối kỳ	
	1/1/2018	1/1/2019	31/12/2018	31/12/2019
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	950.000.000.000	950.000.000.000	950.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	23.531.003.228	26.887.433.521	26.887.433.521	27.424.451.716
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	16.702.019.302	20.058.449.595	20.058.449.595	20.595.467.790
4. Lợi nhuận chưa phân phối	54.047.060.952	60.683.352.477	60.683.352.477	9.933.934.700
	1.044.280.083.482	1.057.629.235.593	1.057.629.235.593	557.953.854.206

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NHTMCPCTVN

Địa chỉ: Tầng 6 TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84 – 8) 39388855 Fax: (84 – 8) 39388500 www.vietinbankcapital.vn

2

Ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã tiến hành chuyển trả 450 tỷ đồng cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo đúng lộ trình tại Nghị quyết 435/NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 13/12/2019. Công ty đã hạch toán giảm vốn điều lệ với số tiền tương ứng như trên vào ngày 31/12/2019. Chủ sở hữu là Ngân hàng TMCPCT Việt Nam vẫn sở hữu 100% vốn điều lệ tại ngày 01/01/2019 và ngày 31/12/2019.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Nền kinh tế, thị trường chứng khoán Việt Nam và ngành quản lý quỹ năm 2018

Kinh tế vĩ mô

- ▶ GDP Việt Nam năm 2019 tăng 7,02%, vượt mục tiêu mà Quốc hội đề ra (từ 6,6% đến 6,8%) và là năm thứ 2 liên tiếp tăng trưởng trên 7%. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2019, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45,0% vào mức tăng trưởng chung.
- ▶ Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với năm 2018, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra cũng là mức tăng bình quân thấp nhất trong 3 năm qua. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2018 tăng 2,01 so với bình quân năm 2018.
- ▶ Cơ cấu kinh tế của Việt Nam tiếp tục chuyển dịch tích cực theo xu hướng giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ. Năm 2019, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,96% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,49%; khu vực dịch vụ chiếm 41,64%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,91%.
- ▶ Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 9,9 tỷ USD, mức cao nhất trong 4 năm liên tiếp xuất siêu. Ước tính cả năm 2019, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa thiết lập mức kỷ lục mới với 519,96 tỷ USD. trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 263,45 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm trước. Năm 2019 ghi nhận sự phát triển mạnh mẽ của khu vực kinh tế trong nước trong lĩnh vực xuất khẩu với tốc độ tăng trưởng đạt tới 17,7%, cao hơn rất nhiều tốc độ tăng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (4,2%).
- ▶ Tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong năm 2019 (tính đến 20/12/2019) đạt 38 USD, tăng 7,2% so với năm 2018. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2019 đạt 20,4 tỷ USD, tăng 6,7% so với năm 2018.
- ▶ Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/12/2019 ước tính đạt 1.414,3 nghìn tỷ đồng, bằng 100,2% dự toán năm, trong đó thu tiền sử dụng đất, thu từ dầu thô và thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu vượt mức dự toán, các khoản thu quan trọng khác như thu từ khu vực kinh tế ngoài Nhà nước,

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NHTMCPCTVN

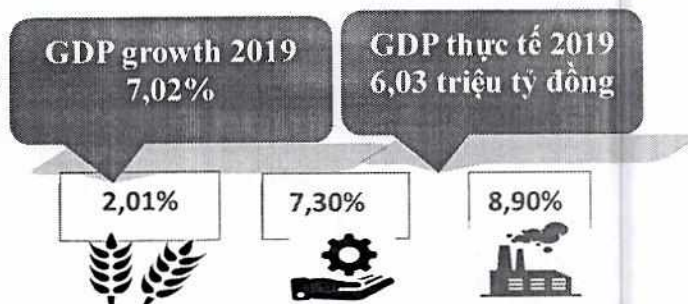
Địa chỉ: Tầng 6 TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84 – 8) 39388855 Fax: (84 – 8) 39388500 www.vietinbankcapital.vn



thu thuế thu nhập cá nhân... cũng đạt trên 90% dự toán năm. Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/12/2019 ước tính đạt 1.316,4 nghìn tỷ đồng, bằng 80,6% dự toán năm. Chi ngân sách năm 2019 đáp ứng các nhiệm vụ đầu tư phát triển, chi trả nợ, bảo đảm quốc phòng, an ninh...

03 lĩnh vực chính đóng góp tăng trưởng GDP 2019 là:

- Nông lâm nghiệp thủy sản (+2,01%);
- Dịch vụ (+7,30%);
- Công nghiệp xây dựng (+8,90%).



Thị trường chứng khoán

- ▶ Thị trường chứng khoán năm 2019 có nhiều đóng góp trong việc huy động vốn cho nền kinh tế với tổng mức huy động đạt 313,9 nghìn tỷ đồng. Chỉ số VN-Index chốt năm đạt 960,99 điểm, tăng 7,4% so với cuối năm 2018.
- ▶ Mức vốn hóa thị trường cổ phiếu niêm yết (tính đến 31/12/2019) đạt 4,38 triệu tỷ đồng, tăng 11% so thời điểm 31/12/2018.
- ▶ Tính đến cuối năm 2019, thị trường cổ phiếu có 748 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết trên HoSE và HNX; 862 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM. Ngoài ra, thị trường có 517 mã trái phiếu niêm yết với giá trị niêm yết đạt gần 1,2 triệu tỷ, tăng 5,6% (tương đương 21,4% GDP). Giá trị giao dịch bình quân trên thị trường thứ cấp năm 2019 đạt 9.139 tỷ đồng/ phiên, tăng 3,4% so với bình quân 2018.
- ▶ Thị trường chứng khoán phái sinh tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng, đã có 89.795 tài khoản giao dịch phái sinh với 18 Công ty Chứng khoán cung cấp dịch vụ. Khối lượng giao dịch bình quân đạt 88.900 hợp đồng/phiên, tăng 13,5% so với bình quân giao dịch năm 2018. Trong năm 2019, thị trường chứng khoán phái sinh cũng chứng kiến sản phẩm mới được đưa vào giao dịch chính thức, cụ thể là Chứng quyền có bảo đảm (CW) và Hợp đồng tương lai Trái phiếu chính phủ (Bond Futures). Mặc dù vậy thì khác với Hợp đồng tương lai chỉ số VN30, các sản phẩm mới này nhìn chung chỉ thu hút được sự chú ý của một bộ phận nhà đầu tư trong thời gian đầu và chưa thực sự tạo được nhiều dấu ấn trên thị trường kể từ sau thời điểm ra mắt.

Ngành quản lý quỹ

- ▶ Tính đến thời điểm hiện tại, trên thị trường có tổng cộng 45 công ty quản lý quỹ đang hoạt động và 4 công ty thuộc dạng tái cấu trúc. Tại thời điểm 30/9/2019, vốn chủ sở hữu của 45 công ty là gần 4.000 tỷ đồng, tổng giá trị tài sản quản lý hơn 301.000 tỷ đồng, tăng trên 15% so với cuối năm 2018. Nhiều công ty quản lý quỹ đã gặt hái được những thành tựu lớn trên TTCK như: Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM), Công ty cổ phần Quản lý quỹ MB (MB Capital), Công ty cổ phần Quản lý quỹ Kỹ thương (Techcom Capital), Công ty liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (VCBF), Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt. Các công ty QLQ này đều được hỗ trợ nguồn lực từ ngân hàng mẹ và các đơn vị trong cùng tập đoàn.
- ▶ Nhìn ra các thị trường khác có thể thấy như Hồng Kông có 2.183 quỹ mở trong tổng số 2.751 quỹ trên thị trường, Malaysia có 629 quỹ, Singapore có hơn 1.300 quỹ... Như vậy, dư địa để phát triển ngành quỹ còn rất lớn, không chỉ có ý nghĩa cho TTCK mà còn cho nhiều lĩnh vực khác của nền kinh tế.
- ▶ Thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2019 là một bức tranh đa chiều, Vn-Index ghi nhận trạng thái vận động khác nhau theo từng quý. Trong quý III, chỉ số Vn-Index tăng 46,62 điểm (tăng 4,91% so với quý II); chỉ số VN30 tăng gần 7% và chỉ số HNX-Index tăng 1,54 điểm (tăng 1,49% so với quý II). Tuy nhiên, vận hành ngược chiều với các chỉ số của thị trường là hầu hết các công ty quản lý quỹ đều ghi nhận lợi nhuận suy giảm, hoặc là tiếp tục chìm trong thua lỗ. Thậm chí, có những công ty còn ghi nhận số lỗ vượt quá 50% vốn chủ sở hữu.
- ▶ Năm 2019 có nhiều khó khăn đối với ngành quỹ, nhưng sức hút nhà đầu tư và sự năng động của các công ty quản lý quỹ kỳ vọng sẽ đem lại sự phát triển bền vững, bài bản và chuyên nghiệp hơn trong tương lai.

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trước những biến động của thị trường chứng khoán trong năm 2019, đồng thời nằm trong giai đoạn tái cơ cấu, Công ty đã chủ động đương đầu với những thách thức bằng chiến lược kinh doanh đúng đắn và vượt qua một năm tài chính khó khăn với những chuyển biến tích cực trong chiến lược kinh doanh, định hướng phát triển và quản trị doanh nghiệp.

Chỉ số tài chính	2017	2018	2019	%Thay đổi (2019 so với 2018)
ROA	5,66%	6,27%	1,30%	-79,27%
ROE	6,32%	6,39%	1,33%	-79,19%
ROS	53,55%	77,89%	13,91%	-82,14%

Hoạt động ủy thác, quản lý danh mục:

Vietinbank Capital thể hiện là địa chỉ tin cậy trong việc quản lý hiệu quả tài sản ủy thác của khách hàng và quỹ đầu tư. Hầu hết các quỹ và danh mục đầu tư do Vietinbankcapital đang quản lý đều đạt được sự tăng trưởng đáp ứng kỳ vọng của các nhà đầu tư.

Năm 2019 doanh thu từ hoạt động UTĐT đạt 4,4 tỷ đồng, giảm 24% so với cùng kỳ năm 2018 tương đương giảm khoảng 1,4 tỷ đồng. Công ty đang nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới để bù đắp phần giá trị tài sản ủy thác giảm do một số khách hàng tổ chức lớn rút vốn trong năm 2019. Với kinh nghiệm đầu tư chuyên nghiệp cũng như với uy tín và thương hiệu là một trong những Công ty quản lý quỹ hoạt động hiệu quả trên thị trường, Công ty đang hướng tới các tổ chức, các khách hàng cá nhân giàu có muốn ủy thác đầu tư không chỉ định qua Công ty quản lý quỹ.

Doanh thu từ hoạt động này đạt khoảng 4,4 tỷ đồng giảm mạnh so với 2018 là -24%. Dự kiến hoạt động này sẽ được đẩy mạnh trong năm tới khi Công ty đưa ra các sản phẩm mang lại nhiều hơn nữa tiện ích cho nhà đầu tư.

Để duy trì tốc độ tăng trưởng Tổng tài sản quản lý, công ty không ngừng thiết kế các sản phẩm mới, tích cực bán chéo sản phẩm với các đối tác trong hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Công ty đã triển khai thành công một số sản phẩm và được khách hàng đánh giá cao như:

Nhận ủy thác bằng tài sản để Công ty khai thác sinh lời tốt hơn cho nhà đầu tư, đặc biệt là đối với sản phẩm đầu tư các công cụ nợ như trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi.

Nhận ủy thác cho nhà đầu tư cần uy tín, thương hiệu, năng lực tài chính của Công ty để đầu tư các dự án cần nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm tham gia.

Sản phẩm hoán đổi ngoại tệ từ USD sang tiền đồng và ủy thác cho Công ty đầu tư vào các công cụ tài chính có lãi suất cố định...

Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán:

Từ năm 2016 đến nay hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán gặp khó khăn và không đạt được như kỳ vọng. Đây là năm mà Công ty chưa có doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty dự kiến tiếp tục đẩy mạnh mảng hoạt động này thông qua các thương vụ phối hợp tư vấn phát hành trái phiếu, tư vấn M&A,....

Hoạt động quản lý quỹ:

Công ty đang quản lý 2 quỹ gồm:

Quỹ đầu tư khám phá giá trị NHCT (VVDIF) với quy mô vốn ban đầu là 100 tỷ đồng. Giá trị tài sản ròng cuối tháng 12/2019 đạt khoảng 127 tỷ đồng, tăng 6% so với đầu năm.

Quỹ mở đại chúng - Quỹ đầu tư trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam (VTBF)

với tổng số vốn huy động lần đầu là 66 tỷ đồng, lợi nhuận kỳ vọng từ khoảng 8%-11%. Tính đến thời điểm cuối năm 2019, giá trị tài sản ròng của quỹ 102 tỷ đồng, tăng 8% về quy mô và tăng 8,5% về giá trị NAV/01 CCQ so với đầu năm.

Dự kiến đến năm 2020, Quỹ mở sẽ tăng quy mô và phân phối rộng rãi qua hệ thống chi nhánh NHCT VN để phát triển dịch vụ bán lẻ cũng như các dịch vụ ngân hàng đầu tư, trở thành quỹ mở có quy mô và hiệu quả đầu tư lớn nhất trong các quỹ đầu tư hiện tại.

Hoạt động đầu tư tài chính:

Đối với hoạt động đầu tư, Công ty tiếp tục theo đuổi chiến lược đầu tư dựa trên phân tích cơ bản để tìm kiếm những khoản đầu tư tạo giá trị gia tăng trong trung và dài hạn. Với chiến lược đầu tư này, quyết định đầu tư dựa trên nghiên cứu và phân tích kỹ lưỡng, Công ty tập trung đầu tư vào những đơn vị có khả năng tin tưởng nhất, chắc chắn sẽ đem lại lợi nhuận tiềm năng cao nhất trong trung và dài hạn dựa trên những phân tích sâu, rộng. Công ty tin tưởng rằng chiến lược đầu tư này sẽ đem lại cơ hội tốt nhất để tăng trưởng tài sản cho các nhà đầu tư theo thời gian.

Đối với hoạt động đầu tư ngắn hạn, Công ty cũng dành một ngân sách giới hạn để tìm kiếm các cơ hội đầu tư an toàn, hiệu quả trong ngắn hạn dựa trên quá trình phân tích, sàng lọc thận trọng.

Thế mạnh của Công ty là giao dịch kinh doanh nguồn, khai thác cơ hội đầu tư trái phiếu của các tập đoàn kinh tế lớn.

Hoạt động Nghiên cứu Phân tích:

Song song với việc đổi mới các khối kinh doanh, Bộ phận Thẩm định thực hiện hoạt động nghiên cứu phân tích, cũng như tăng cường kiểm soát rủi ro, hiệu quả khoản đầu tư. Nhận thức được việc quản trị tốt sẽ ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả hoạt động của Công ty, toàn thể cán bộ Vietinbank Capital cũng như từng thành viên Ban Lãnh đạo cũng đang nỗ lực cải thiện các tồn tại để hướng tới một mô hình quản trị phù hợp theo thông lệ quốc tế.

Hoạt động Quản trị rủi ro

Công ty luôn đề cao vấn đề tuân thủ và công tác Quản trị rủi ro, nỗ lực ở mức cao nhất để đáp ứng các yêu cầu của UBCK. Cụ thể, Công ty đã thành lập Bộ phận Kiểm soát nội bộ, Ban quản trị rủi ro, Ban phòng chống rửa tiền, giao trách nhiệm cho cán bộ chuyên trách công tác kiểm soát tuân thủ, quản lý rủi ro và phòng chống rửa tiền... Tất cả các Ban/bộ phận này đều báo cáo trực tiếp Chủ tịch/Tổng giám đốc để có ý kiến chỉ đạo khi có các dấu hiệu rủi ro phát sinh.

Bộ phận kiểm soát nội bộ trong Công ty thực hiện công việc kiểm soát thường xuyên các giao dịch đầu tư, nghiệp vụ kinh doanh và hoạt động khác của Công ty trong quá trình

hoạt động kinh doanh và có kiến nghị kịp thời để các bộ phận kinh doanh chỉnh sửa. Do vậy, việc tuân thủ các quy định, pháp luật của Nhà nước, bao gồm Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý có liên quan của Công ty được thực hiện nghiêm túc. Cho đến nay chưa xảy ra các xung đột về lợi ích, kể cả các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty. Các cán bộ làm việc tại Công ty tuân thủ các điều kiện áp dụng với người hành nghề tại công ty quản lý quỹ, liên quan đến không kiêm nhiệm, tuân thủ bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp...

Công ty luôn tuân thủ các quy định về vốn khả dụng và các tỷ lệ an toàn tài chính áp dụng cho công ty quản lý quỹ, kiểm soát tốt tỷ lệ an toàn tài chính và thực hiện báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định.

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	Năm 2019	
				Thực hiện	Theo quy định
1	Tỷ lệ an toàn tài chính	359,68%	515,71%	327,05%	180%

Những tiến bộ công ty đã đạt được.

- Về cơ cấu danh mục đầu tư: Danh mục đầu tư của công ty được đa dạng hóa vào các sản phẩm tài chính trên thị trường đảm bảo tính an toàn cũng như tỷ lệ sinh lời tốt nhất

Chứng khoán	Đvt	Số dư 31/12/2019	
		Số lượng	Giá trị (đồng)
Nhóm Cổ phiếu	CP	15.975.248	189.628.343.781
Nhóm Cổ phiếu chưa niêm yết	CP	13.845.800	143.298.880.449
Nhóm Cổ phiếu niêm yết	CP	2.129.448	46.329.463.332
Nhóm Trái Phiếu	TP	251.470	171.999.999.362
Nhóm Trái phiếu chưa niêm yết	TP	251.470	171.999.999.362
Nhóm Trái phiếu niêm yết	TP		
Nhóm Chứng chỉ tiền gửi	CCTG		
Tổng cộng		16.226.718	361.628.343.143

- Về mục tiêu tái cơ cấu: Thực hiện Nghị quyết số 435/NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 13/12/2019 của Chủ tịch HĐQT NHTMCPCTVN về việc thực hiện hoàn trả một phần vốn góp của Vietinbank trong vốn điều lệ của Vietinbank Capital, trong năm 2019 Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ giảm vốn góp đợt 1 từ 950 tỷ xuống 500 tỷ.

- Về cơ cấu tổ chức: Song song với nhiệm vụ giảm vốn theo mục tiêu của Chủ sở hữu, Công ty đang đề xuất cơ cấu lại tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hướng đến khách hàng và đảm bảo được hoạt động quản trị rủi ro, an toàn và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Xây dựng chính sách đãi ngộ toàn diện cho người lao động, gắn quyền lợi của nhân viên với quyền lợi của Công ty, tổ chức các hoạt động Team building tạo sự đoàn kết gắn bó và gia tăng trách nhiệm của từng người lao động với công việc.

- Làm mới hệ thống nhận diện thương hiệu, xây dựng profile để phù hợp với giai đoạn phát triển mới

- Về công nghệ: Công ty đã đầu tư xây dựng website để phục vụ việc truy vấn thông tin và giao dịch online cho khách hàng.

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	Đơn vị tính: tỷ đồng
				% Thay đổi (2019 so với 2018)
Tài sản ngắn hạn	579,38	837,78	323,76	-61,35%
Tài sản dài hạn	482,31	241,63	242,97	+0,55%
Tổng tài sản	1.061,69	1.079,41	566,72	-47,49%
Nợ phải trả	17,41	22,05	8,77	-60,23%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.044,28	1.057,36	557,95	-47,23%
Tổng tài sản ủy thác	2.945	1.593	1.165	-26,87%

Tổng tài sản của Công ty cuối năm 2019 đạt 566,72 tỷ đồng giảm 47,49% tương đương 512,69 tỷ đồng so với năm 2018, trong đó:

- Tài sản ngắn hạn giảm 61,35% tương đương 514,02 tỷ đồng

- Tài sản dài hạn: không có biến động nhiều

Trong năm 2019, công ty thực hiện chuyển trả vốn góp của Ngân hàng Công thương Việt Nam trong vốn điều lệ công ty do đó tổng tài sản của công ty cuối năm 2019 có sụt giảm mạnh so với cuối năm 2018.

Trong năm 2019 Công ty không phát sinh các khoản phải thu khó đòi.

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả chiếm 1,5% tổng nguồn vốn của Công ty và chủ yếu là khoản phải trả cho người lao động, thuế còn phải nộp.

Phần lớn các giao dịch của Công ty đều bằng đồng Việt Nam nên Công ty không bị ảnh hưởng của việc biến động tỷ giá hối đoái.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Thay đổi bộ nhận diện thương hiệu, profile

- Thay đổi phương pháp đánh giá và đãi ngộ nhân viên để gắn quyền lợi của nhân viên với quyền lợi Công ty, gia tăng trách nhiệm của từng vị trí.

- Tăng cường hoạt động giám sát để đảm bảo đánh giá đúng hiệu quả làm việc của nhân viên, bộ phận Công ty và tính tuân thủ các kỷ luật lao động trong Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2020 được dự báo có nhiều biến động mạnh và ngành quản lý quỹ cũng không nằm ngoài xu thế đó. Nền kinh tế Việt Nam nhiều khả năng sẽ chịu ảnh hưởng đáng kể từ các yếu tố bên ngoài như tính chu kỳ của nền kinh tế toàn cầu khi mà các nền kinh tế đầu tàu như Mỹ, Trung Quốc, EU... đều đã đạt đỉnh tăng trưởng và có dấu hiệu sẽ dần suy giảm; lãi suất, giá dầu có xu hướng biến động; các cuộc xung đột chính trị leo thang, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn, đặc biệt dịch bệnh bùng phát. Lãi suất tiền gửi có xu hướng tăng do lạm phát, khiến các sản phẩm của các quỹ gặp khó khăn khi phải đáp ứng lợi nhuận cao hơn lợi nhuận tiết kiệm.

Năm 2020, nhiệm vụ của Vietinbank Capital là tiếp tục tái cơ cấu theo hướng giảm vốn điều lệ xuống 200 tỷ đồng và từng bước thực hiện định hướng phát triển thành một định chế tài chính cung cấp đầy đủ các dịch vụ của một ngân hàng đầu tư. Bên cạnh việc duy trì và phát huy những kết quả đã đạt được, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh phát triển các sản phẩm mới, khách hàng mới để tạo đột phá trong dài hạn. Dự kiến, trong năm 2020, Công ty sẽ đẩy mạnh duy trì chào bán chứng chỉ quỹ mở trái phiếu VTBF lên tối thiểu 150 tỷ với lợi nhuận kỳ vọng hấp dẫn. Đồng thời, Công ty sẽ nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ thông qua việc đầu tư vào hệ thống hạ tầng công nghệ, chuẩn hóa định vị và nhận diện thương hiệu nhằm tiếp tục nâng cao tầm ảnh hưởng và uy tín của thương hiệu Vietinbank Capital trên thị trường quản lý quỹ tại Việt Nam.

Giai đoạn tiếp theo, từ nay đến năm 2025, đây là giai đoạn Công ty sẽ khẳng định được vị thế tiên phong trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư thông qua việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ đa dạng, trọn gói và toàn diện cho khách hàng. Cụ thể, Công ty đặt mục tiêu tổng tài sản quản lý của Công ty sẽ tăng mạnh vào năm 2025, từ đó tỷ trọng phí quản lý quỹ và tài sản ủy thác cũng tăng dần, đạt trên 40% trên tổng thu nhập của công ty vào năm 2025.



Nguyễn Lê Hằng

IV. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

**Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 35

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là công ty con do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010, và theo các giấy phép điều chỉnh như sau:

<i>Lần điều chỉnh</i>	<i>Số giấy phép điều chỉnh</i>	<i>Ngày cấp</i>
Giấy phép điều chỉnh lần 1	05/GPĐC-UBCK	Ngày 25 tháng 3 năm 2011
Giấy phép điều chỉnh lần 2	31/GPĐC-UBCK	Ngày 16 tháng 3 năm 2012
Giấy phép điều chỉnh lần 3	45/GPĐC-UBCK	Ngày 13 tháng 8 năm 2012
Giấy phép điều chỉnh lần 4	13/GPĐC-UBCK	Ngày 15 tháng 5 năm 2013
Giấy phép điều chỉnh lần 5	39/GPĐC-UBCK	Ngày 30 tháng 12 năm 2013
Giấy phép điều chỉnh lần 6	11/GPĐC-UBCK	Ngày 22 tháng 7 năm 2016
Giấy phép điều chỉnh lần 7	01/GPĐC-UBCK	Ngày 8 tháng 1 năm 2019
Giấy phép điều chỉnh lần 8	07/GPĐC-UBCK	Ngày 17 tháng 2 năm 2020

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm các hoạt động sau:

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 6, Tòa nhà Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, số 34 Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Công ty có 1 văn phòng đại diện tại lầu 6, 354-356 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Ông Vũ Đức Mạnh được bổ nhiệm làm Chủ tịch Công ty theo Quyết định số 1568/QĐ-HĐQT-NHCT1.2 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam từ ngày 15 tháng 11 năm 2018.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng/Trưởng phòng Kế toán tài chính/Phụ trách kế toán của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Bà Nguyễn Lệ Hằng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Lan	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 19 tháng 11 năm 2019
Bà Trần Thị Ngọc Tài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Như Dương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2019
Bà Hoàng Thị Dung	Trưởng phòng Kế toán tài chính	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2019
Ông Bùi Văn Phúc	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2019
	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2019
		Miễn nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2019
Bà Phạm Thùy Dương	Trưởng phòng Kế toán tài chính	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2019
		Miễn nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2019

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Vũ Đức Mạnh, Chủ tịch Công ty.

Bà Nguyễn Lệ Hằng, Tổng Giám đốc được ủy quyền kí báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 12/GUQ-QLQ-TCHC ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Ông Vũ Đức Mạnh, Chủ tịch Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Lê Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

Số tham chiếu: 60961605/21194708

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 2 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 35 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2071-2018-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0761-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-CTQ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND (trình bày lại)
	TÀI SẢN			
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		323.756.395.015	837.820.780.252
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	6	24.372.001.136	41.636.062.348
111	1. Tiền		24.372.001.136	2.636.062.348
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	39.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	7	296.902.359.942	785.073.674.863
121	1. Đầu tư ngắn hạn		361.628.343.143	807.409.327.617
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(64.725.983.201)	(22.335.652.754)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.148.065.954	10.924.699.745
132	1. Trả trước cho người bán		-	49.000.000
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	8	578.360.112	837.836.571
135	3. Các khoản phải thu khác	9	1.569.705.842	10.037.863.174
140	IV. Hàng tồn kho		-	37.365.000
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		333.967.983	148.978.296
154	1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	10	310.067.983	-
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		23.900.000	148.978.296
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		242.968.013.639	241.633.864.542
220	I. Tài sản cố định		1.152.815.866	1.506.346.600
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.012.784.507	1.287.981.905
222	Nguyên giá		5.946.635.700	5.911.635.700
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.933.851.193)	(4.623.653.795)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	140.031.359	218.364.695
228	Nguyên giá		358.708.000	358.708.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(218.676.641)	(140.343.305)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	241.690.000.000	239.997.811.998
258	1. Đầu tư dài hạn khác		241.690.000.000	241.690.000.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	(1.692.188.002)
260	III. Tài sản dài hạn khác		125.197.773	129.705.944
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		110.197.773	114.705.944
268	2. Tài sản dài hạn khác		15.000.000	15.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		566.724.408.654	1.079.454.644.794
	NGUỒN VỐN			
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		8.770.554.448	21.825.409.201
310	I. Nợ ngắn hạn		8.770.554.448	21.825.409.201
312	1. Phải trả người bán		366.249.454	293.212.000
313	2. Người mua trả tiền trước		5.050.000.000	-
314	3. Phải trả thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	71.921.240	14.959.292.061
315	4. Phải trả người lao động		2.349.329.364	5.998.324.439
319	5. Phải trả phải nộp khác		64.119.142	6.883.248
323	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	868.935.248	567.697.453
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		557.953.854.206	1.057.629.235.593
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		500.000.000.000	950.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		27.424.451.716	26.887.433.521
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		20.595.467.790	20.058.449.595
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15	9.933.934.700	60.683.352.477
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		566.724.408.654	1.079.454.644.794

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
6	1. Chứng khoán lưu ký của Công ty Quản lý Quỹ		159.752.480.000	302.477.410.000
7	Trong đó: 1.1. Chứng khoán giao dịch		159.752.480.000	302.477.410.000
20	2. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty Quản lý quỹ		409.490.000.000	570.490.000.000
30	3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác (*)	17	77.329.474.502	77.452.574.194
31	3.1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		77.329.474.502	77.452.574.194
40	4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (*)	17	1.163.029.047.114	1.590.662.461.755
41	4.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước		1.163.029.047.114	1.590.662.461.755
50	5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác (*)	18	3.360.000.000	805.556
51	6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác (*)	19	76.020.993.460	76.633.590.087

(*) Theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, các khoản tiền gửi, chứng khoán, danh mục đầu tư và các khoản phải thu, phải trả của nhà đầu tư ủy thác và vốn nhận của người ủy thác đầu tư sẽ được Công ty Quản lý Quỹ theo dõi và hạch toán ngoại bảng.

Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Hạnh
Kế toán

Người kiểm soát

Bà Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Lệ Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND (trình bày lại)
1	1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	20	6.069.762.085	7.120.161.241
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		6.069.762.085	7.120.161.241
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn dịch vụ cung cấp	21	1.753.340.276	2.922.837.685
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		4.316.421.809	4.197.323.556
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	71.146.064.648	79.064.347.830
22	6. Chi phí tài chính	23	43.801.440.024	(30.937.609.580)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	20.034.242.191	30.464.404.963
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.626.804.242	83.734.876.003
	9. Thu nhập khác		15.461.095	7.337.945
	10. Chi phí khác		171.458.660	-
40	11. (Lỗ)/Lãi khác		(155.997.565)	7.337.945
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14	11.470.806.677	83.742.213.948
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành		730.442.787	16.346.000.885
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		10.740.363.890	67.396.213.063

Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Hạnh
Kế toán

Người kiểm soát

Bà Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Lê Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND (trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	1. Lợi nhuận trước thuế		11.470.806.677	83.742.213.948
2	2. Điều chỉnh cho các khoản			
3	- Khấu hao tài sản cố định		388.530.734	377.460.025
5	- Các khoản chi phí/(hoàn nhập) dự phòng		40.698.142.445	(32.375.707.348)
8	- (Lãi) từ hoạt động đầu tư		(65.740.524.664)	(56.457.033.210)
9	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(13.183.044.808)	(4.713.066.585)
11	- Tăng các khoản phải thu		(9.685.728.500)	(38.952.224.982)
12	- Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.647.698.320	2.555.231.735
14	- Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	14	53.508.171	(19.473.880)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.886.511.655)	(14.981.166.004)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		23.260.000	611.000.000
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.987.744.205)	(1.510.840.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(39.018.562.677)	(57.010.539.716)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	11	(35.000.000)	(348.500.000)
23	- Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(86.320.574.362)	(462.396.592.912)
24	- Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		543.501.186.763	332.751.006.232
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(17.979.083.188)	(27.608.565.533)
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.579.455.261	84.527.109.624
27	- Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		84.006.262.268	90.063.282.020
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		529.752.246.742	16.987.739.431

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND (trình bày lại)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	- Tiền chi hoàn trả vốn cho chủ sở hữu		(450.000.000.000)	-
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(57.997.745.277)	(52.650.060.952)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(507.997.745.277)	(52.650.060.952)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(17.264.061.212)	(92.672.861.237)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	6	41.636.062.348	134.308.923.585
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	6	24.372.001.136	41.636.062.348

Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Hạnh
Kế toán

Người kiểm soát

Bà Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Lệ Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B05-CTQ

CHỈ TIÊU (trình bày lại)	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		1/1/2018	1/1/2019	Năm 2018		Năm 2019		31/12/2018	31/12/2019
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	5	950.000.000.000	950.000.000.000	-	-	-	(450.000.000.000)	950.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		23.531.003.228	26.887.433.521	3.356.430.293	-	537.018.195	-	26.887.433.521	27.424.451.716
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		16.702.019.302	20.058.449.595	3.356.430.293	-	537.018.195	-	20.058.449.595	20.595.467.790
4. Lợi nhuận chưa phân phối	15	54.047.060.952	60.683.352.477	60.683.352.477	(54.047.060.952)	9.666.327.500	(60.415.745.277)	60.683.352.477	9.933.934.700
		1.044.280.083.482	1.057.629.235.593	67.396.213.063	(54.047.060.952)	10.740.363.890	(510.415.745.277)	1.057.629.235.593	557.953.854.206

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 5, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã tiến hành chuyển trả 450.000.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo đúng lộ trình tại Nghị quyết 435/NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 13 tháng 12 năm 2019. Công ty đã hạch toán giảm vốn điều lệ với số tiền tương ứng như trên vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Chủ sở hữu là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam vẫn sở hữu 100% vốn điều lệ tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người lập biểu

Người kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Hạnh
Kế toán

Bà Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTQ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là công ty con do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010, và theo các giấy phép điều chỉnh như sau:

<i>Lần điều chỉnh</i>	<i>Số giấy phép điều chỉnh</i>	<i>Ngày cấp</i>
Giấy phép điều chỉnh lần 1	05/GPĐC-UBCK	Ngày 25 tháng 3 năm 2011
Giấy phép điều chỉnh lần 2	31/GPĐC-UBCK	Ngày 16 tháng 3 năm 2012
Giấy phép điều chỉnh lần 3	45/GPĐC-UBCK	Ngày 13 tháng 8 năm 2012
Giấy phép điều chỉnh lần 4	13/GPĐC-UBCK	Ngày 15 tháng 5 năm 2013
Giấy phép điều chỉnh lần 5	39/GPĐC-UBCK	Ngày 30 tháng 12 năm 2013
Giấy phép điều chỉnh lần 6	11/GPĐC-UBCK	Ngày 22 tháng 7 năm 2016
Giấy phép điều chỉnh lần 7	01/GPĐC-UBCK	Ngày 8 tháng 1 năm 2019
Giấy phép điều chỉnh lần 8	07/GPĐC-UBCK	Ngày 17 tháng 2 năm 2020

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm các hoạt động sau:

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đang quản lý hai quỹ đầu tư là Quỹ Đầu tư Khám phá Giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam ("VVDIF") và Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam ("VTBF").

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 6, Tòa nhà Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, số 34 Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Công ty có 1 văn phòng đại diện tại tầng 6, 354-356 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 41 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 43 người).

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Các báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định báo cáo tài chính đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.3 Hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, trừ các thay đổi sau:

Thông tư số 48/2019/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp

Ngày 8 tháng 8 năm 2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("*Thông tư 48*") hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư, dự phòng tổn thất nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng làm cơ sở xác định khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các thay đổi chính của Thông tư 48 bao gồm:

- ▶ Sửa đổi, bổ sung cách xác định dự phòng giảm giá chứng khoán
- ▶ Sửa đổi, bổ sung cách xác định dự phòng góp vốn, đầu tư dài hạn
- ▶ Bổ sung các trường hợp được phép trích lập dự phòng cho các khoản phải thu

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2019 và áp dụng từ năm tài chính 2019, thay thế cho Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009, Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2011 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013.

4.2 Các chính sách kế toán đã ban hành, đã có hiệu lực nhưng chưa áp dụng

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("*Luật Kế toán mới*"). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

Tuy nhiên, hiện chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các công ty quản lý quỹ, do vậy Công ty chưa thực hiện áp dụng các nguyên tắc này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4.3 Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán tự doanh bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Chứng khoán tự doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân loại thành đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới 12 tháng, ngoại trừ phần tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba tháng đã bao gồm trong Tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản đầu tư vào trái phiếu chính phủ được nắm giữ với mục đích để bán trong vòng trên 3 tháng đến 12 tháng. Đầu tư dài hạn bao gồm trái phiếu chính phủ, các khoản cho vay, tiền gửi và các khoản đầu tư dài hạn khác có mục đích nắm giữ trên 12 tháng.

Các chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác được tiếp tục phản ánh theo giá gốc trong các kỳ kế toán tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá thị trường có thể xác định được. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

4.5 Dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản đầu tư dài hạn khác

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho các chứng khoán không có đủ ba (03) báo giá hoặc không có giao dịch trong vòng một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được lập nếu tổ chức kinh tế ("TCKT") mà Công ty đang đầu tư bị lỗ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại TCKT và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại TCKT.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định, bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hoặc hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.9 Khấu hao và hao mòn tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 năm
Phần mềm máy vi tính	3 năm

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.11 Phân phối lợi nhuận

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

Lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích lập các quỹ nói trên được phân phối theo quyết định hàng năm của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

4.12 Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác

Vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

4.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thường hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán với giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

4.14 Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và chi phí mua bán chứng khoán.

4.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng chi phí quản lý doanh nghiệp; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

4.17 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã tiến hành chuyển trả 450.000.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo đúng lộ trình tại Nghị quyết 435/NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 13 tháng 12 năm 2019. Công ty đã hạch toán giảm vốn điều lệ với số tiền tương ứng như trên vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Chủ sở hữu là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam vẫn sở hữu 100% vốn điều lệ tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Theo lộ trình đề cập trong Nghị quyết 435/NQ-HĐQT-NHCT2.1, Công ty sẽ tiếp tục hoàn trả 300.000.000.000 đồng vốn góp của Ngân hàng Công thương Việt Nam trong vốn điều lệ của Công ty, giảm vốn điều lệ của Công ty xuống còn 200.000.000.000 đồng trước ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Tiền mặt tại quỹ	4.403.836	222.942.534
Tiền gửi không kỳ hạn	24.367.597.300	2.413.119.814
Tiền gửi có kỳ hạn	-	39.000.000.000
	24.372.001.136	41.636.062.348

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2019		31/12/2018	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Đầu tư cổ phiếu				
Cổ phiếu bị giảm giá		167.569.121.801		158.270.871.801
Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP	13.455.800	135.693.880.449	13.455.800	135.693.880.449
CTCP Tập đoàn Hoa Sen	314.600	6.003.566.362	286.000	6.003.566.362
CTCP đầu tư xây dựng 3-2	82.031	2.883.157.760	82.031	2.883.157.760
CTCP Xây dựng Coteccons	32.440	6.085.267.230	32.440	6.085.267.230
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	390.000	7.605.000.000	390.000	7.605.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	377.000	9.298.250.000	-	-
Cổ phiếu của các đơn vị khác		22.059.221.980		19.957.844.053
Công ty cổ phần FPT	122.107	4.865.638.792	210.170	9.118.424.053
Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	211.270	4.044.264.688	-	-
CTCP Cơ điện lạnh	140.000	4.636.568.500	-	-
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	850.000	8.512.750.000	850.000	8.512.750.000
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	-	-	141.300	2.326.670.000

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

	31/12/2019		31/12/2018	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Đầu tư trái phiếu				
<i>Trái phiếu bị giảm giá</i>		-		-
<i>Trái phiếu của các đơn vị khác</i>		171.999.999.362		479.101.707.713
Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP.HCM (CII052022)	970	96.999.999.362	-	-
Công ty cổ phần chứng khoán Everest	500	50.000.000.000	-	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô	250.000	25.000.000.000	-	-
Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	-	-	100	95.650.410.959
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Thủ Đô	-	-	63	62.951.299.997
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	750.000	76.820.441.620
Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP.HCM (CII11713)	-	-	850.000	85.679.425.000
Công ty cổ phần Vinhomes	-	-	630.000	63.000.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	-	-	950.000	95.000.130.137
Chứng chỉ tiền gửi HD Saison	-	-	150	150.078.904.050
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(64.725.983.201)		(22.335.652.754)
		296.902.359.942		785.073.674.863

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn:

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Số dư đầu năm	22.335.652.754	55.360.871.924
Trích lập/(Hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh số 23)	42.390.330.447	(33.025.219.170)
Số dư cuối năm	64.725.983.201	22.335.652.754

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

8. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư và phí thưởng	437.920.291	734.513.216
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư	140.439.821	103.323.355
	578.360.112	837.836.571

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Dự thu lãi tiền gửi	-	52.449.314
Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi	-	847.602.740
Dự thu lãi trái phiếu	1.534.164.380	9.130.473.175
Các khoản phải thu khác	35.541.462	7.337.945
	1.569.705.842	10.037.863.174

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Thuế TNDN nộp thừa	310.067.983	-
	310.067.983	-

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Số dư ngày 1/1/2019	4.957.735.700	953.900.000	5.911.635.700
Mua mới trong năm	-	35.000.000	35.000.000
Số dư ngày 31/12/2019	4.957.735.700	988.900.000	5.946.635.700
Khấu hao lũy kế			
Số dư ngày 1/1/2019	3.847.537.585	776.116.210	4.623.653.795
Khấu hao trong năm	240.112.620	70.084.778	310.197.398
Số dư ngày 31/12/2019	4.087.650.205	846.200.988	4.933.851.193
Giá trị còn lại			
Số dư ngày 1/1/2019	1.110.198.115	177.783.790	1.287.981.905
Số dư ngày 31/12/2019	870.085.495	142.699.012	1.012.784.507

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với giá trị là 4.241.960.000 VND.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm máy vi tính VND</i>
Nguyên giá	
Số dư ngày 1/1/2019	358.708.000
Tăng trong năm	-
Số dư ngày 31/12/2019	358.708.000
Hao mòn lũy kế	
Số dư ngày 1/1/2019	140.343.305
Hao mòn trong năm	78.333.336
Số dư ngày 31/12/2019	218.676.641
Giá trị còn lại	
Số dư ngày 1/1/2019	218.364.695
Số dư ngày 31/12/2019	140.031.359

Nguyên giá của TSCĐ vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với giá trị là 123.708.000 VND.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2019			31/12/2018		
	Tỷ lệ đầu tư %	Số lượng	Giá trị VND	Tỷ lệ đầu tư %	Số lượng	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác						
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển KĐT Nam Quảng Ngãi (i)	47,98	2.399.000	23.990.000.000	47,98	2.399.000	23.990.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	6,10	11.580.000	120.000.000.000	7,62	11.580.000	120.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả - Khánh Hòa (ii)	30,00	9.150.000	91.500.000.000	30,00	9.150.000	91.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin	10,95	620.000	6.200.000.000	10,95	620.000	6.200.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn			-			(1.692.188.002)
			241.690.000.000			239.997.811.998

- (i) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển KĐT Nam Quảng Ngãi ("Công ty Nam Quảng Ngãi") được thành lập theo Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300617471 ngày 10 tháng 9 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp. Hiện tại, Công ty không có đại diện tại Hội đồng Quản trị hoặc các cấp quản lý tương đương cũng như không có các ảnh hưởng đáng kể khác tại Công ty Nam Quảng Ngãi, do đó Công ty phân loại khoản đầu tư vào Công ty Nam Quảng Ngãi là "Đầu tư dài hạn khác".

Trong tháng 1 năm 2020, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Nam Quảng Ngãi cho đối tác khác theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2019/HĐCN-NQN ngày 14 tháng 12 năm 2019.

- (ii) Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả - Khánh Hòa ("Công ty Đèo Cả - Khánh Hòa") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106159826 ngày 22 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Theo Thỏa thuận liên danh từ năm 2013, Công ty chiếm 50% vốn điều lệ của Công ty Đèo Cả - Khánh Hòa, trong đó có 20% giá trị vốn góp là Công ty đại diện đứng tên cho các nhà đầu tư ủy thác của Công ty. Hiện tại, ngoài các thành viên được nhà đầu tư ủy thác chỉ định làm đại diện vốn, Công ty không có đại diện cho phần vốn góp của mình tại Hội đồng Quản trị hoặc các cấp quản lý tương đương cũng như không có các biểu hiện có ảnh hưởng đáng kể tại Công ty Đèo Cả - Khánh Hòa, do đó Công ty phân loại khoản đầu tư vào Công ty Đèo Cả - Khánh Hòa là "Đầu tư dài hạn khác".

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn:

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Số dư đầu năm	1.692.188.002	1.042.676.180
(Hoàn nhập)/Trích lập trong năm (Thuyết minh số 23)	(1.692.188.002)	649.511.822
Số dư cuối năm	-	1.692.188.002

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

14. PHẢI TRẢ THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND (trình bày lại)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	14.846.000.885
Thuế GTGT	37.121.240	88.207.117
Thuế thu nhập cá nhân	34.800.000	25.084.059
	71.921.240	14.959.292.061

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ kế toán năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày dưới đây:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND (trình bày lại)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.470.806.677	83.742.213.948
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (Thuyết minh số 22)	8.040.051.400	2.096.126.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	221.458.660	83.916.478
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	3.652.213.937	81.730.004.426
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	730.442.787	16.346.000.885
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	730.442.787	16.346.000.885
Thuế TNDN phải trả đầu năm (trình bày lại)	14.846.000.885	13.481.166.004
Thuế TNDN đã trả trong năm	(15.886.511.655)	(14.981.166.004)
Thuế TNDN (được hoàn)/phải trả cuối năm	(310.067.983)	14.846.000.885

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

15. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	2019 VND	2018 VND (trình bày lại)
Số dư đầu năm	60.683.352.477	54.047.060.952
Lợi nhuận sau thuế trong năm	10.740.363.890	67.396.213.063
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 16)	(2.418.000.000)	(1.397.000.000)
Chuyển lợi nhuận về Ngân hàng mẹ	(57.997.745.277)	(52.650.060.952)
Trích lập các quỹ theo quy định	(1.074.036.390)	(6.712.860.586)
Số dư cuối năm	9.933.934.700	60.683.352.477

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Số dư đầu năm	567.697.453	272.537.453
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 15)	2.418.000.000	1.397.000.000
Sử dụng trong năm	(2.116.762.205)	(1.101.840.000)
Số dư cuối năm	868.935.248	567.697.453

17. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Cổ phiếu niêm yết	303.454.141.840	363.425.395.840
Cổ phiếu không niêm yết	506.836.708.000	707.359.958.000
Trái phiếu	84.138.197.274	248.277.107.915
Đầu tư khác	268.600.000.000	271.600.000.000
	1.163.029.047.114	1.590.662.461.755
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Tiền gửi không kỳ hạn	77.329.474.502	77.452.574.194
	77.329.474.502	77.452.574.194

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

18. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Phải thu cổ tức	3.360.000.000	-
Phải thu khác	-	805.556
	3.360.000.000	805.556

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Phải trả phí quản lý danh mục (<i>Thuyết minh số 8</i>)	437.920.291	734.513.216
Phải trả khác của người ủy thác đầu tư	75.583.073.169	75.899.076.871
	76.020.993.460	76.633.590.087

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	1.644.259.162	1.210.835.365
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	4.425.502.923	5.809.325.876
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	100.000.000
	6.069.762.085	7.120.161.241

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	466.996.455	482.537.804
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	1.286.343.821	2.401.345.643
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	38.954.238
	1.753.340.276	2.922.837.685

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.593.203.520	4.368.100.842
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.040.051.400	2.096.126.000
Lãi đầu tư tài chính	55.107.269.744	49.992.806.368
Doanh thu từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán	5.405.539.984	22.607.314.620
	71.146.064.648	79.064.347.830

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí mua bán chứng khoán	3.025.597.607	1.313.306.465
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn (<i>Thuyết minh số 7</i>)	42.390.330.447	(33.025.219.170)
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn (<i>Thuyết minh số 13</i>)	(1.692.188.002)	649.511.822
Chi phí khác	77.699.972	124.791.303
	43.801.440.024	(30.937.609.580)

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND (trình bày lại)
Chi phí nhân viên	12.317.180.752	17.706.321.056
Chi phí khấu hao tài sản cố định	357.989.209	345.962.205
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	916.681.407	1.391.239.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.208.569.411	1.087.991.062
Chi lễ tân, tiếp khách	3.449.260.610	7.242.036.659
Các chi phí khác	1.784.560.802	2.690.854.733
	20.034.242.191	30.464.404.963

25. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng trong công tác quản trị của Công ty. Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như tổng hợp dưới đây.

25.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán.

Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của bảng cân đối kế toán có liên quan đến chứng khoán nợ sẵn sàng để bán; độ nhạy của các khoản mục trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng là sự ảnh hưởng của những thay đổi giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khác, các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Phân tích về mức độ nhạy với lãi suất không được thực hiện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty rất nhỏ.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc tiền tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có rủi ro tiền tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, giá trị hợp lý của chứng khoán vốn niêm yết là 129.034.551.200 VND. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của giá chứng khoán niêm yết có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

25. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo tài chính trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Tại ngày báo cáo, các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Kế toán và bộ phận Đầu tư theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

25.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Đơn vị: VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.372.001.136	-	24.372.001.136
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	361.628.343.143	-	361.628.343.143
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.148.065.954	-	2.148.065.954
Đầu tư dài hạn khác	-	241.690.000.000	241.690.000.000
	388.148.410.233	241.690.000.000	629.838.410.233
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	64.119.142	-	64.119.142
	64.119.142	-	64.119.142
Chênh lệch thanh khoản ròng	388.084.291.091	241.690.000.000	629.774.291.091

25. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.4 Tài sản đảm bảo

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn và không sử dụng bất kỳ tài sản nào của Công ty nhằm đảm bảo cho bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Công ty được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Công ty	4.578.543.402	5.636.785.172

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
			VND		VND	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	Tiền gửi không kỳ hạn	481.088.529	2.261.639.795.906	(2.238.431.204.566)	23.689.679.869
		Tiền gửi có kỳ hạn	34.000.000.000	655.500.000.000	(689.500.000.000)	-
		Tiền gửi không kỳ hạn của nhà đầu tư ủy thác	75.806.512.139	5.279.969.607	(5.337.417.465)	75.749.064.281
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ	Tiền gửi giao dịch	88.140.111	207.142.214.024	(207.213.209.579)	17.144.556
		Quản lý vốn ủy thác đầu tư	30.171.297	-	-	30.171.297
Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý NH TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ	Quản lý vốn ủy thác đầu tư	1.022.598	1.921	(176.000)	848.519
		Quản lý quỹ đầu tư	121.305.356.988	6.234.786.155	-	127.540.143.143
Quỹ Đầu tư Khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam	Quỹ do Công ty quản lý	Quản lý quỹ đầu tư	93.633.276.358	8.825.826.394	-	102.459.102.752
		Quản lý quỹ đầu tư	-	-	-	-

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Doanh thu/(Chi phí) VND</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	Lãi từ hợp đồng tiền gửi	1.073.587.668
		Lãi từ tài khoản tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	76.005.498
Quỹ Đầu tư Khám phá giá trị Ngân hàng Công Thương Việt Nam	Quỹ do Công ty quản lý	Doanh thu phí quản lý quỹ	767.272.417
Quỹ đầu tư trái phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam	Quỹ do Công ty quản lý	Doanh thu phí quản lý quỹ, phí phát hành, phí mua lại	876.986.745
Ngân hàng TNHH Indovina	Bên liên doanh của Ngân hàng mẹ	Giao dịch mua trái phiếu của nhà đầu tư ủy thác	92.830.344.976
		Giao dịch bán trái phiếu của nhà đầu tư ủy thác	575.568.347.707
		Giao dịch mua trái phiếu của Công ty	51.609.123.050
		Giao dịch bán trái phiếu và CCTG của Công ty	172.730.778.416

27. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU SO SÁNH

Trong năm, Công ty đã thực hiện điều chỉnh, phân loại và trình bày lại một số số liệu so sánh đầu năm theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Chi tiết số liệu điều chỉnh được trình bày như dưới đây:

Trích từ Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2018 Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Năm 2018 Số sau điều chỉnh
Hàng tồn kho	-	37.365.000	37.365.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.079.417.279.794	37.365.000	1.079.454.644.794
Nợ ngắn hạn	22.055.651.401	(230.242.200)	21.825.409.201
Phải trả thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14.828.518.261	130.773.800	14.959.292.061
Phải trả người lao động	6.359.340.439	(361.016.000)	5.998.324.439
Vốn chủ sở hữu	1.057.361.628.393	267.607.200	1.057.629.235.593
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	60.415.745.277	267.607.200	60.683.352.477
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.079.417.279.794	37.365.000	1.079.454.644.794

Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2018 Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Năm 2018 Số sau điều chỉnh
Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.798.913.963	(334.509.000)	30.464.404.963
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	83.400.367.003	334.509.000	83.734.876.003
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	83.407.704.948	334.509.000	83.742.213.948
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.279.099.085	66.901.800	16.346.000.885
Lợi nhuận sau thuế TNDN	67.128.605.863	267.607.200	67.396.213.063

Người lập biểu

Người kiểm soát

Người phê duyệt

Handwritten signature: *Handwritten signature*

2015



ÔNG TY
NHÌM HỮU HẠN
THÀNH VIÊN
AN LÝ QUY
HÀNG TMCF
S THƯỜNG
ỆT NAM

Bà Nguyễn Thị Hạnh
Kế toán

Bà Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Lệ Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2020